

Số: 1657/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Bảng xếp loại đường bộ trên các tuyến đường tỉnh để tính cước vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy định xếp loại đường bộ để xác định cước vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 52/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bảng xếp loại đường bộ trên các tuyến đường tỉnh để tính cước vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải:

1. Tổ chức thực hiện Quyết định này.

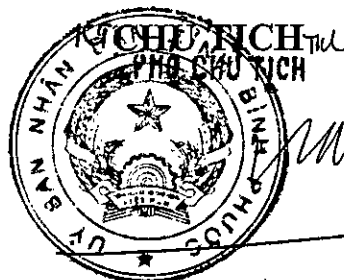
2. Hướng dẫn UBND huyện, thị xã xếp loại đường bộ trên các tuyến đường địa phương quản lý, tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc Quy định xếp loại đường bộ để tính cước vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 4.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- TT. TU, TT. HDND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 4;
- LĐVP, P. KTN;
- Lưu: VT (T.14); 10c



Nguyễn Văn Lợi



**PHÂN LOẠI ĐƯỜNG TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH ĐỂ TÍNH CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1657-/QĐ-UBND ngày 01...tháng 8...năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	Ghi chú
1	ĐT.741	Bàu Trư, ranh tỉnh Bình Dương (Km49+537)	Ranh tỉnh Đăk Nông (Km185+345)	135,808							
		Bàu Trư, ranh tỉnh Bình Dương (Km49+537)	Cầu Thác Mạ, thị xã Phước Long (Km118+400)			68,863					
		Cầu Thác Mạ, thị xã Phước Long (Km118+400)	Chốt Kiểm lâm, huyện Bù Gia Mập (Km128+315)					9,915			
		Chốt Kiểm lâm, huyện Bù Gia Mập (Km128+315)	Sân bay Bù Gia Mập (Km167+350)				39,035				
		Sân bay Bù Gia Mập (Km167+350)	Ranh tỉnh Đăk Nông (Km185+345)						17,995		
2	ĐT.751	Ngã 4 Chơn Thành	Cầu Bà Và (ranh tỉnh Bình Dương)	8,1				8,1			
3	ĐT.752	Thị xã Bình Long	Cầu Sài Gòn (ranh tỉnh Tây Ninh)	16,79				16,79			
4	ĐT.753	Ngã 4 Sóc Miên, thị xã Đồng Xoài	Cầu Mã Đà (ranh tỉnh Đồng Nai)	30							
		Ngã 4 Sóc Miên, thị xã Đồng Xoài	Cầu Cừ, huyện Đồng Phú (Km9+015)			9					
		Cầu Cừ, huyện Đồng Phú (Km9+015)	Cầu Mã Đà (ranh tỉnh Đồng Nai)							21	Đang nâng cấp cải tạo

5	ĐT.754	Km9+916 ĐT.754B (huyện Lộc Ninh)	Cầu Sài Gòn (ranh tỉnh Tây Ninh)	12,25				12,25			
6	ĐT.754B	Km109+200 QL.13 (ngã 3 Đồng Tâm)	Km0+000 ĐT.754 (huyện Lộc Ninh)	9,916			9,916				
7	ĐT.755	Xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng (giáp nội ô thị trấn Đức Phong)	Ngã 4 Thống Nhất, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	33,93					33,93		
8	ĐT.755B	Km928+000 QL.14 (ngã 3 Sao Bông, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng)	Cầu Phước Cát (ranh tỉnh Lâm Đông)	33,6							
		Km928+000 QL.14 (ngã 3 Sao Bông, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng)	Km21+000 (xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng)							21	Đang nâng cấp cải tạo
		Km21+000 (xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng)	Cầu Phước Cát (ranh tỉnh Lâm Đông)				12,6				
9	ĐT.756	Km982+000, QL14 (xã Minh Lập, huyện Chơn Thành)	Km8+500, ĐT.759B (xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh)	50,33							
		Km982+000, QL14 (xã Minh Lập, huyện Chơn Thành)	Km21+300 (xã Tân Hung, huyện Hớn Quán)						21,3		
		Km21+300 (xã Tân Hung, huyện Hớn Quán)	Km31+100 (ngã 3 Thanh An, xã Thanh An, huyện Hớn Quán)				9,8				
		Km31+100 (ngã 3 Thanh An, xã Thanh An, huyện Hớn Quán)	Km8+500, ĐT.759B (xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh)						19,23		



10	ĐT.757	Km97+000, ĐT.741 (ngã 3 Bù Nho, xã Bù Nho, H. Bù Gia Mập)	Km106+900 QL.13 (Cầu Cản Lê)	35,97							
		Km97+000, ĐT.741 (ngã 3 Bù Nho, xã Bù Nho, H. Bù Gia Mập)	Km7+000 (ngã 3 Long Hà, huyện Bù Gia Mập)			7					
		Km7+000 (ngã 3 Long Hà, huyện Bù Gia Mập)	Km18+760 (giao ĐT.756), ngã 3 Thanh An, huyện Hớn Quản				11,76				
		Km18+760 (giao ĐT.756), ngã 3 Thanh An, huyện Hớn Quản	Km22+200					3,44			Trùng ĐT.756
		Km22+200	Km23+600				1,4				
		Km23+600	Km106+900 QL.13 (Cầu Cản Lê)							12,37	
11	ĐT.758	Km77+000, ĐT.741 (xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú)	Phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	34,31				34,31			
12	ĐT.759	Km936+800 QL.14 (ngã 3 Bù Na, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng)	Ngã 3 Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	49,46				49,46			
13	ĐT.759B	Km127+000 QL.13 (ngã 3 Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh)	Cửa khẩu Hoàng Diệu, huyện Bù Đốp	40,65							
		Km127+000 QL.13 (ngã 3 Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh)	Km24+200 (thị trấn Thanh Hòa, huyện Bù Đốp)		24,2						

		Km24+200 (thị trấn Thanh Hòa, huyện Bù Đốp)	Cửa khẩu Hoàng Diệu, huyện Bù Đốp					16,45			
14	ĐT.760	Km913+000 QL.14 (ngã 3 Minh Hưng, huyện Bù Đăng)	Km130+000 ĐT.741 (ngã 3 Tiên Giang, huyện Bù Gia Mập)	53,95							
		Km913+000 QL.14 (ngã 3 Minh Hưng, huyện Bù Đăng)	Km14+500, ngã 4 Bom Bo, huyện Bù Đăng			14,5					
		Km14+500, ngã 4 Bom Bo, huyện Bù Đăng	Km130+000 ĐT.741 (ngã 3 Tiên Giang, huyện Bù Gia Mập)					39,45			